

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

(trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 65

KHOA T. SIGC

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyễn Công Bửu	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Đình Hồng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty có 18 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Nhóm Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trương Ngọc Thành	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Hải	Trưởng ban	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Đào Định Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Lan Hồng	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Thị Mỹ Nguyệt	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyễn Công Bửu	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Đình Hồng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

Số tham chiếu: 60752790/17892163-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 8 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các Thuyết minh số 2.1 và 23 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 12.235.646.377 ngàn VND, trong đó 3.127.105.050 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm điều khoản của khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23 của báo cáo tài chính hợp nhất. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 33 của báo cáo tài chính hợp nhất. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 173.855.867 ngàn VND và 1.245.353.038 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.220.860.465	4.731.873.635
110	I. Tiền	5	331.961.020	46.804.781
111	1. Tiền		331.961.020	46.804.781
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.888.556.900	3.494.468.401
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.065.007.018	1.429.634.589
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.257.718.117	1.661.487.304
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	265.641.262	228.989.648
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	302.560.292	176.253.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.369.789)	(1.896.760)
140	III. Hàng tồn kho	10	2.966.320.073	1.140.636.497
141	1. Hàng tồn kho		2.971.502.880	1.140.636.497
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.182.807)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		34.022.472	49.963.956
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		8.857.139	11.298.721
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.934.095	28.331.286
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.231.238	10.333.949
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.880.731.670	12.392.398.321
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.383.681.815	615.915.348
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.307.804.207	576.215.557
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	75.877.608	39.699.791
220	II. Tài sản cố định		5.596.337.810	4.178.392.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.553.475.832	4.135.879.855
222	Nguyên giá		6.246.257.348	4.519.219.989
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(692.781.516)	(383.340.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	42.861.978	42.512.845
228	Nguyên giá		54.845.260	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.983.282)	(5.684.340)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.153.955.744	6.431.053.932
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	11.153.955.744	6.431.053.932
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		311.150.970	248.460.551
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	271.950.970	248.460.551
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	39.200.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.435.605.331	918.575.790
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	944.944.277	893.292.952
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	57.286.393	25.282.838
269	3. Lợi thế thương mại	17	433.374.661	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.101.592.135	17.124.271.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.221.964.230	10.269.183.720
310	I. Nợ ngắn hạn		7.030.109.890	6.281.915.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	630.784.705	247.166.661
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	787.064.002	126.467.449
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	148.940.710	256.814.835
314	4. Phải trả người lao động		27.580.067	27.209.734
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	474.504.889	34.999.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	1.834.130.467	1.861.194.194
320	7. Vay ngắn hạn	23	3.127.105.050	3.728.062.869
330	II. Nợ dài hạn		10.191.854.340	3.987.268.245
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	-	200.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	847.958.773	166.523.184
338	3. Vay dài hạn	23	9.108.541.327	3.620.745.061
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	235.354.240	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.879.627.905	6.855.088.236
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.879.627.905	6.855.088.236
411	1. Vốn cổ phần	24.1	7.081.438.950	3.990.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.081.438.950	3.990.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	2.550.810	1.295.347.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	443.148.354	143.518.473
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	2.126.574.755	1.404.012.572
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.419.585.622	758.990.567
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		706.989.133	645.022.005
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	225.915.036	21.540.191
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.101.592.135	17.124.271.956

Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập

Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc



Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.730.680.433	2.212.251.019
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.493.579.993)	(1.184.492.722)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.237.100.440	1.027.758.297
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	164.880.632	38.081.784
22	5. Chi phí tài chính	29	(383.460.219)	(293.137.307)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(364.676.504)	(277.854.539)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.2	(1.225.021)	-
25	7. Chi phí bán hàng	30	(72.904.454)	(15.753.442)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(120.958.460)	(87.274.811)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		823.432.918	669.674.521
31	10. Thu nhập khác	31	2.233.328	81.090.939
32	11. Chi phí khác	31	(110.612.760)	(3.510.769)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(108.379.432)	77.580.170
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		715.053.486	747.254.691
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(3.048.663)	(23.035.483)
52	15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	32.2	32.003.555	11.601.025
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		744.008.378	735.820.233
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		724.591.678	735.618.472
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	19.416.700	201.761
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	1.093	1.233
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	914	1.013



[Handwritten signature]

Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập

[Handwritten signature]

Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại ~ Thuyết minh số 37)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		715.053.486	747.254.691
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		333.420.043	207.711.208
03	Các khoản dự phòng		5.655.836	1.579.705
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		328.995	3.075.619
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.746.866)	(103.091.422)
06	Chi phí lãi vay	29	364.676.504	277.854.539
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.366.387.998	1.134.384.340
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		344.086.017	(1.122.393.120)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.180.235.216)	(343.116.971)
11	Tăng các khoản phải trả		2.159.563.563	35.082.810
12	Giảm chi phí trả trước		66.793.246	19.590.454
14	Tiền lãi vay đã trả		(371.302.612)	(257.139.267)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(6.794.852)	(24.644.716)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(265.314)	(661.536)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.378.232.830	(558.898.006)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.421.246.855)	(1.907.144.790)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		27.568.222	348.899.272
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(969.807.867)	(895.542.788)
24	Tiền thu hồi cho vay		304.157.896	688.976.082
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.852.343.193)	(38.361.030)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		425.663.640	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		28.114.041	912.003
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.457.894.116)	(1.802.261.251)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu		1.797.972.760	-
33	Tiền thu từ đi vay		9.304.243.116	4.312.491.633
34	Tiền chi trả nợ gốc vay, mượn		(5.654.081.191)	(2.052.353.224)
36	Cổ tức đã trả		(83.317.160)	(2.365.542)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.364.817.525	2.257.772.867
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		285.156.239	(103.386.390)
60	Tiền đầu năm		46.804.781	150.191.171
70	Tiền cuối năm	5	331.961.020	46.804.781



Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty có 18 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Nhóm Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 12.235.646.377 ngàn VND, trong đó 3.127.105.050 ngàn VND sẽ đến hạn trả nợ trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay và trái phiếu khi đến hạn thanh toán hoặc đạt được các thỏa thuận với các chủ nợ để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu hiện tại.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các đề xuất tái cơ cấu sẽ được chấp thuận và Nhóm Công ty có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai gần.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

10/03/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty và các công ty con.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Nhóm Công ty thực sự không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.11*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các thông tin dưới đây:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 mà Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 38.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Nhóm Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 năm

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí liên quan khác.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- Chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ có thể xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.18 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

4.1 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“BSTN”)

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua toàn bộ 38.993.170 cổ phiếu, tương đương với 98,61% quyền sở hữu trong BSTN từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – công ty mẹ, tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 461.003.800 ngàn VND. Theo đó, BSTN đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

BSTN được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900985126, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của BSTN là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của BSTN. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của BSTN tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND
Giá trị hợp lý được
xác định tạm thời ghi
nhận tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	411.433
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	205.726.534
Hàng tồn kho	8.038.851
Chi phí trả trước ngắn hạn	58.254.349
Tài sản cố định hữu hình	23.774.972
Tài sản cố định vô hình	6.648.075
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.562.778
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.200.000
Nợ phải trả	
Phải trả ngắn hạn khác	(2.341.549)
Tổng tài sản thuần	394.275.443
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(5.500.000)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	72.228.357
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	(461.003.800)

Thêm vào đó, vào ngày 12 tháng 5 năm 2015, Công ty đã góp thêm 154.568.300 ngàn VND vào BSTN, tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,00%.

4.2 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh (“HAQM”)

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2015, Công ty đã mua thêm 45.500 cổ phiếu của HAQM, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 910.910 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong HAQM từ 97,54% lên 97,77%.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAQM và các công ty con của HAQM sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAQM chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Theo đó, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAQM và các công ty con của HAQM tại ngày mua là 131.935 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.3 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 99,83% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên cho các cá nhân với tổng giá bán là 425.663.640 ngàn VND. Theo đó, số tiền lãi là 45.960.202 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk ("HAĐL")

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2015, Công ty đã mua thêm 22.239 cổ phiếu của HAĐL, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 890.450 ngàn VND tăng tỷ lệ sở hữu trong HAĐL từ 99,46% lên 99,53%.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAĐL sở hữu và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAĐL chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Theo đó, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAĐL tại ngày mua là 680.310 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.5 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh ("DPC") và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Pênh ("DPA")

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất mua 19.940.000 cổ phiếu, tương đương với 99,7% quyền sở hữu trong DPC từ các cá nhân với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND. Theo đó, DPC đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

DPC được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900981604, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 3 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của DPC là trồng và kinh doanh cọ dầu và các cây lâu năm khác.

Vào ngày mua, DPC nắm giữ 100% vốn góp trong DPA, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 2660/11 vào ngày 18 tháng 11 năm 2011. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của DPA là trồng và chăm sóc 8.825 ha cọ dầu và xây dựng nhà máy cọ dầu tại Phường Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. DPC được phê duyệt bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho hoạt động đầu tư vào Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 201500021 cấp vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của DPC và DPA. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của DPC và DPA tại ngày mua được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.5 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh ("DPC") và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Pênh ("DPA") (tiếp theo)

Ngân VND
Giá trị hợp lý
được xác định
tạm thời ghi nhận
tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	1.060.840
Phải thu ngắn hạn khác	159.204.731
Hàng tồn kho	8.827.132
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.821.666
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.164.500.689
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(58.015.000)
Phải trả ngắn hạn khác	(479.439.637)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(122.270.705)
Tổng tài sản thuần	676.689.716
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(2.030.069)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	123.737.953
Tổng giá phi hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	(798.397.600)

Thêm vào đó, vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, BSTN - công ty con của Nhóm Công ty đã mua thêm 40.000 cổ phiếu của DPC, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 1.600.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong DPC từ 99,7% lên 99,9%. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của DPC và DPA tại ngày mua là 1.217.251 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.6 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mía ("ADM") và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Anh Lumphat ("HAL")

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% quyền sở hữu trong ADM từ các cá nhân với giá phi hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND. Cùng ngày, công ty con của Nhóm Công ty, BSTN đã hoàn tất mua 100.000 cổ phiếu, tương đương 0,5% quyền sở hữu trong ADM từ một cá nhân khác. Theo đó, ADM đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

ADM được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900910258, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của ADM là trồng và kinh doanh cao su, cao su và các cây lâu năm khác.

Vào ngày mua, ADM nắm giữ 100% vốn góp trong HAL, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 3030/13 vào ngày 6 tháng 12 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của HAL là trồng, chăm sóc và khai thác cao su và cao su tại Phường Labanseak, Thành phố Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. ADM được phê duyệt bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho hoạt động đầu tư vào Campuchia theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 670/BKHĐT-ĐTRNN cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.6 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mia ("ADM") và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Anh Lumphat ("HAL") (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của ADM và HAL. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ADM và HAL tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>tạm tính ghi nhận</i>	
	<i>tại ngày mua</i>	
Tài sản		
Tiền		3.790.446
Phải thu ngắn hạn khác		1.590.916.619
Hàng tồn kho		23.478.270
Phải thu về cho vay ngắn hạn		51.920.357
Tài sản cố định hữu hình		43.737.458
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.410.519.279
Nợ phải trả		
Vay ngắn hạn		(1.757.985.034)
Phải trả ngắn hạn		(611.629.060)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(113.083.535)
Tổng tài sản thuần		641.664.800
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(183.193.375)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 17</i>)		242.223.575
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh		(700.695.000)

5. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2015</i>	<i>năm 2014</i>
Tiền mặt	32.092.852	4.859.005
Tiền gửi ngân hàng	299.868.168	41.945.776
TỔNG CỘNG	331.961.020	46.804.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ xây dựng sân bay cho		
Chính phủ Lào	730.579.743	470.501.762
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.427.275	959.132.827
- Công ty Xuất nhập khẩu Hữu Nghị	-	425.462.663
- Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Laman – Sekong	-	329.864.299
- Phải thu từ các khách hàng khác	64.889.794	195.463.414
- Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)	269.537.481	8.342.451
TỔNG CỘNG	1.065.007.018	1.429.634.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.369.789)	(1.896.760)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.062.637.229	1.427.737.829

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.883.134.630	648.903.813
- Công ty TNHH Kasimex	372.988.152	-
- Các khoản trả trước khác	82.340.128	152.634.235
- Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.427.806.350	496.269.578
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	327.627.512	963.495.248
- Ông Nguyễn Đắc Quốc	70.266.565	321.144.384
- Bà Phạm Thanh Thủy	28.044.369	177.474.528
- Trả trước cho các nhà thầu khác	229.316.578	464.876.336
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	46.955.975	49.088.243
TỔNG CỘNG	2.257.718.117	1.661.487.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	265.641.262	228.989.648
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	173.855.867	123.436.539
Cho vay các công ty và cá nhân khác	91.785.395	105.553.109
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	91.785.395	-
- Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	-	92.807.498
- Công ty khác	-	12.745.611
Dài hạn	1.307.804.207	576.215.557
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.245.353.038	280.000.000
Cho vay các công ty khác	62.451.169	296.215.557
- Công ty TNHH Dara Rattanakiri	44.035.648	136.533.071
- Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh	-	155.601.407
- Công ty khác	18.415.521	4.081.079
TỔNG CỘNG	1.573.445.469	805.205.205

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	302.560.292	176.253.620
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	204.857.675	107.360.461
- Ông Phan Thanh Thủ	136.263.600	-
- Ông Mai Đình Hồng	-	27.441.261
- Nhân viên khác	68.594.075	79.919.200
Lãi từ cho vay	77.470.619	46.764.005
Phải thu ngắn hạn khác	20.231.998	22.129.154
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên khác</i>	212.948.729	171.590.670
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	89.611.563	4.662.950
Dài hạn	75.877.608	39.699.791
Lãi từ cho vay	27.421.314	-
Ký quỹ, ký cược	11.823.112	6.389.030
Phải thu dài hạn khác	36.633.182	33.310.761
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên khác</i>	52.528.516	39.699.791
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	23.349.092	-
TỔNG CỘNG	378.437.900	215.953.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.378.243.787	532.495.604
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò thịt (*)</i>	<i>1.417.725.816</i>	<i>141.250.534</i>
<i>Hoạt động sản xuất</i>	<i>486.992.056</i>	<i>346.933.204</i>
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	<i>473.525.915</i>	<i>44.311.866</i>
Nguyên vật liệu	410.514.950	305.221.847
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	116.436.784	170.579.766
Thành phẩm	35.923.410	114.732.141
Công cụ, dụng cụ	17.412.328	17.290.299
Hàng hóa	12.971.621	316.840
TỔNG CỘNG	2.971.502.880	1.140.636.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.182.807)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	2.966.320.073	1.140.636.497

(*) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.221.103.529	1.202.083.826	947.311.879	1.145.439	1.135.705.300	11.870.016	4.519.219.989
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	474.725.738	170.043.416	168.262.306	-	-	1.713.131	814.744.591
Mua trong năm	54.588.331	118.340.853	35.717.888	38.449	726.639.126	211.515	935.536.160
Tăng từ mua công ty con	1.347.855	45.685.149	21.320.075	-	-	3.560.726	71.913.805
Chênh lệch tỷ giá	26.812.539	28.742.716	18.873.414	19.615	22.619.609	267.159	97.335.052
Giảm do thanh lý công ty con	(25.539.940)	(1.066.977)	(54.824.062)	(74.570)	(84.894.986)	-	(166.400.535)
Thanh lý trong năm	(1.015.942)	(13.057.088)	(11.995.404)	-	-	-	(26.068.434)
Phân loại lại	(23.280)	(764.915)	769.326	-	-	(4.411)	(23.280)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.751.998.830	1.550.006.980	1.125.435.420	1.128.933	1.800.069.049	17.618.136	6.246.257.348
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	1.543.390	2.649.780	3.788.805	401.521	-	517.161	8.900.657
Hao mòn lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	113.230.789	153.827.136	81.348.327	810.648	31.640.193	2.483.041	383.340.134
Khấu hao trong năm	74.050.470	105.504.603	83.459.616	184.375	56.647.418	2.459.395	322.305.877
Tăng từ mua công ty con	-	2.534.033	1.867.342	-	-	-	4.401.375
Chênh lệch tỷ giá	2.310.524	3.374.716	1.651.103	12.210	658.630	32.156	8.039.339
Giảm do thanh lý công ty con	(187.859)	(1.264.236)	(4.605.719)	-	(1.396.896)	-	(7.454.710)
Thanh lý trong năm	(6.807.147)	(627.845)	(8.169.866)	(74.570)	(2.162.018)	-	(17.841.446)
Phân loại lại	(9.053)	928.388	(928.388)	-	-	-	(9.053)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	182.587.724	264.276.795	154.622.415	932.663	85.387.327	4.974.592	692.781.516
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.107.872.740	1.048.256.690	865.963.552	334.791	1.104.065.107	9.386.975	4.135.879.855
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.569.411.106	1.285.730.185	970.813.005	196.270	1.714.681.722	12.643.544	5.553.475.832
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 23)	1.569.411.106	1.285.730.185	970.813.005	196.270	1.714.681.722	12.643.544	5.553.475.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	48.197.185	48.197.185
Tăng từ mua công ty con	6.648.075	-	6.648.075
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	5.684.340	5.684.340
Hao mòn trong năm	249.303	6.049.639	6.298.942
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	249.303	11.733.979	11.983.282
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	42.512.845	42.512.845
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.398.772	36.463.206	42.861.978

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Chi phí vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	10.137.217.769	5.867.366.056
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	613.442.399	314.219.395
Chi phí xây dựng của dự án bò (*)	249.346.043	57.262.902
Các công trình khác	153.949.533	192.205.579
TỔNG CỘNG	11.153.955.744	6.431.053.932

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí xây dựng của dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 557.954.522 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 483.986.502 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	99,46
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	99,38
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	100,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	100,00
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/01/2011	99,99
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	97,77
(12) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	99,99
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	27/04/2015	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	99,90
(16) Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	14/10/2015	99,90
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	69,05
(18) Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	69,05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Ngàn VND
Bidiphar

Giá trị đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	248.460.551
Tăng giá trị đầu tư	<u>24.715.440</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>273.175.991</u>

Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phần lỗ trong năm	<u>(1.225.021)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(1.225.021)</u>

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>248.460.551</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>271.950.970</u>

Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, vốn điều lệ là 212.800.000 ngàn VND.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua thêm 549.232 cổ phiếu của Bidiphar từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai với tổng giá mua là 24.715.440 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Bidiphar từ 45,22% lên 47,80%.

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư của BSTN, công ty con, vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai với tỷ lệ sở hữu 4,9%.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí phát triển vườn mía	658.428.542	765.142.344
Chi phí trồng cỏ	119.334.616	19.108.996
Tiền thuê đất	81.399.952	25.878.208
Chi phí vườn bắp	49.185.469	48.928.696
Công cụ, dụng cụ	18.864.683	22.371.230
Chi phí thuê văn phòng	5.521.946	5.325.976
Chi phí khác	<u>12.209.069</u>	<u>6.537.502</u>
TỔNG CỘNG	<u>944.944.277</u>	<u>893.292.952</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phát sinh từ mua trong năm	438.189.885
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>438.189.885</u>
Phân bổ lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phân bổ trong năm	(4.815.224)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(4.815.224)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>433.374.661</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	400.037.969	149.918.734
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	-	33.673.648
- Khác	400.037.969	116.245.086
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	164.346.595	50.354.127
Phải trả do mua cổ phần công ty con	61.490.000	-
Phải trả nhà thầu xây dựng	4.910.141	46.893.800
TỔNG CỘNG	<u>630.784.705</u>	<u>247.166.661</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	179.580.810	135.204.571
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	451.203.895	111.962.090

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Người mua trả tiền trước	684.971.696	126.467.449
- Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	574.711.583	-
- Các công ty khác	110.260.113	126.467.449
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	102.092.306	-
TỔNG CỘNG	<u>787.064.002</u>	<u>126.467.449</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	142.676.704	250.852.246
Thuế thu nhập cá nhân	4.034.146	1.136.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.1)	2.229.860	4.464.177
Các loại thuế khác	-	361.486
TỔNG CỘNG	148.940.710	256.814.835

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Ngắn hạn	474.504.889	34.999.733
Chi phí lãi vay	330.277.520	12.329.868
Chi phí xây dựng	127.785.507	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	16.441.862	22.669.865
Dài hạn	-	200.000.000
Chi phí lãi vay	-	200.000.000
TỔNG CỘNG	474.504.889	234.999.733

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	1.834.130.467	1.861.194.194
Phải trả tiền mượn tạm	1.781.589.375	1.748.115.939
Phải trả tiền thuê đất	16.237.999	16.239.014
Phải trả cổ tức	5.109.394	87.823.600
Phải trả ngắn hạn khác	31.193.699	9.015.641
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	57.660.451	224.378.196
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	1.776.470.016	1.636.815.998
Dài hạn	847.958.773	166.523.184
Phải trả tiền mượn	659.411.049	-
Phải trả tiền thuê đất	188.478.724	166.433.291
Phải trả dài hạn khác	69.000	89.893
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	188.547.724	166.523.184
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	659.411.049	-
TỔNG CỘNG	2.682.089.240	2.027.717.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn	3.127.105.050	3.728.062.869
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh 23.1)	300.000.000	1.988.689.724
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.3)	2.101.643.091	828.650.337
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23.4)	659.401.026	270.571.455
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh 23.5)	66.060.933	640.151.353
Vay dài hạn	9.108.541.327	3.620.745.061
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 23.2)	1.700.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.4)	4.031.152.897	2.388.747.061
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 23.5)	3.377.388.430	1.231.998.000
TỔNG CỘNG	12.235.646.377	7.348.807.930

Chi tiết tình hình tăng giảm vay:

	Ngàn VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.728.062.869	3.620.745.061
Vay trong năm	3.359.994.655	4.934.649.698
Phân loại lại	(173.938.505)	173.938.506
Trả trong năm	(3.626.513.089)	(317.293.546)
Giảm do thanh lý công ty con	(187.014.117)	(350.000.000)
Tăng từ mua các công ty con	-	908.014.993
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	26.513.237	138.486.615
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.127.105.050	9.108.541.327

23.1 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37% một năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Ngoài ra, Công ty cũng cam kết trả lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu này kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 37). Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Trái phiếu kèm chứng quyền (tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Nhóm Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150.717.250 cổ phiếu của Công ty ("HNG") được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu trước hạn với hai trái chủ là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, số lượng trái phiếu lần lượt là 12.000 và 5.000 với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND. Theo đó, 150.717.250 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền 2.000 tỷ VND đã được giải chấp.

Khoản tiền lãi bổ sung 255 tỷ VND tương ứng với 17.000 trái phiếu mua lại trước hạn được gia hạn thời hạn thanh toán, chậm nhất là ngày 10 tháng 12 năm 2016 và được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu HNG do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai sở hữu. 92.855.945 cổ phiếu này đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai bao gồm trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VND – Trái phiếu Huỳnh Đệ, trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VND – Trái phiếu Phú Hoàng Anh và trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600.

Đồng thời, 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND đã được gia hạn một (1) năm, thời gian đáo hạn mới là ngày 28 tháng 12 năm 2016. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu và 3.850.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") lần lượt thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa, và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị của các tài sản đảm bảo này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu được người sở hữu trái phiếu nắm giữ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á, chịu lãi suất từ 9,40% đến 9,80% một năm trong năm nay và đã được phân loại thành khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do ECS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm (2015: 10,50% một năm). Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND và chịu lãi suất 10,50% một năm trong năm nay.

23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.248.291.110	273.860.292
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	853.351.981	230.424.667
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	257.987.770
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	-	66.377.608
TỔNG CỘNG	2.101.643.091	828.650.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	Ngàn VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	761.483.564	359.810.396	17.820.460	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2016	5,05 – 10,00	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai; 23 căn hộ và 2 khu thương mại Bàu Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	486.807.546	486.807.546	-	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016	9,00 – 10,50	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
TỔNG CỘNG	<u>1.248.291.110</u>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	Kip Laos ("LAK")	USD			
	Ngân VND					
<i>Laos – Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HD - LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	401.445.860	-	17.807.468	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016	6,50 – 9,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Xekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu với trị giá tương ứng 11.372.722 USD và 26.460.000 USD
Hợp đồng hạn mức tín dụng số 080/HD - LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 7 năm 2015	218.825.225	79.277.382	-	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	11,25	Máy cày mĩa trị giá 5,1 tỷ LAK; quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại Huyện Samakhixay, Tỉnh Attapeu, Lào và các tài sản liên quan, trị giá 46,1 tỷ LAK
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 109/LVB ATP/2015 ngày 1 tháng 10 năm 2015	120.362.496	-	5.339.951	Từ ngày 17 tháng 6 năm 2016 đến ngày 14 tháng 12 năm 2016	8,00 – 9,75	Tài sản hình thành từ vốn vay là dự án nuôi bò thịt bao gồm tài sản cố định và đàn bò nhập khẩu với trị giá tương ứng 7.660.097 USD và 17.640.000 USD
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HD - LVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	112.718.400	-	5.000.000	26 tháng 11 năm 2016	8,75	Toàn bộ đàn bò nhập khẩu với trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
TỔNG CỘNG	853.351.981					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
BIDV	2.335.644.860	1.873.427.711
HD Bank	937.322.850	-
Laos – Viet Bank	669.030.620	125.980.407
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	569.974.355	512.454.605
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	178.581.238	147.455.793
TỔNG CỘNG	4.690.553.923	2.659.318.516
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>4.031.152.897</i>	<i>2.388.747.061</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>659.401.026</i>	<i>270.571.455</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, mía, mua sắm máy móc thiết bị và dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Nguyên tệ USD</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013	663.612.357	29.436.736	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 18 tháng 4 năm 2013)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% một năm (2015: 7,00)	121 căn hộ thuộc cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng 4.320 m ² đất tại hồ sinh thái Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; nhà máy đá Grannite HAGL tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi không kỳ hạn 5.850.088 ngàn VND của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai tại BIDV; 136 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh ĐăkLăk; quyền thuê đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào và tài sản gắn liền trên đất
Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL_Attapeu ngày 22 tháng 3 năm 2012	581.001.018	25.772.235	Hoàn trả trong 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 4 năm 2012)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,50% một năm (2015: 7,00 – 8,00)	Quyền sử dụng đất quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	Ngân VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD ngày 1 tháng 4 năm 2010	723.036.497	-	32.077.928	Hoàn trả trong 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% một năm (2015: 7,00)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	222.482.398	222.482.398	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% một năm (2015: 8,00 – 10,70)	Tài sản hình thành từ vốn vay, thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
Hợp đồng vay số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	79.544.318	79.544.318	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% một năm (2015: 8,00 – 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi Bò sữa tại Tỉnh Gia Lai trị giá 480 tỷ VND
Hợp đồng vay số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.272	65.968.272	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 1 tháng 12 năm 2015)	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% một năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2015: 8,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
TỔNG CỘNG	2.335.644.860					
<i>Trong đó :</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	429.639.400					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	Ngàn VND	USD			
<i>HD Bank – Chi nhánh Đồng Nai</i>						
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTDTDH-DN ngày 25 tháng 4 năm 2014	874.362.225	449.999.993	18.827.073	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 25 tháng 4 năm 2014)	8,00% cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất huy động USD thời gian 12 tháng của ngân hàng cộng 7% nhưng không vượt quá 8,00% một năm; điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2015: 7,50 – 8,00 đối với vay USD và 12,00 – 13,00 đối với vay VND)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Ông Đoàn Nguyên Đức và bà Hoàng Thị Ngọc Bích; và quyền thuê 9.173 ha đất tại Tỉnh Rattaniki, Campuchia và tài sản gắn liền với đất
<i>HD Bank – Chi nhánh Đắk Lắk</i>						
Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTDTDH-DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	62.960.625	62.960.625	-	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 2 tháng 12 năm 2015)	Lãi suất thả nổi (2015: 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò
TỔNG CỘNG	937.322.850					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	LAK	USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Hợp đồng vay số 098/HDLVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	315.729.777	-	14.005.246	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 5 tháng 8 năm 2015)	10,00% một năm đối với 6 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất theo quy định của LVB, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 9,00 – 10,00)	Toàn bộ đàn bò nhập khẩu với trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
Hợp đồng vay số 010/2013/LVB-Attapeu ngày 15 tháng 3 năm 2013	281.075.943	39.355.142	7.649.849	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 21 tháng 3 năm 2013)	Vay bằng USD: mức vay trung hạn của ngân hàng, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 11,00). Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00% một năm, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 13,75)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	44.853.677	-	1.989.634	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30 tháng 11 năm 2015)	Lãi suất thả nổi (2015: 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
Hợp đồng vay số 025/LVB.NVKD/2012 ngày 10 tháng 9 năm 2012	27.371.223	9.917.110	-	Hoàn trả trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 10 tháng 9 năm 2012)	13,50% một năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3% một năm (2015: 13,50 – 13,75)	2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
TỔNG CỘNG	669.030.620					
<i>Trong đó :</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>32.007.170</i>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	12 năm 2015	Ngân VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng</i>						
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	12.420.658	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125% một tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333% một tháng (2015: 11,55 – 12,00 một năm)	Quyền sử dụng đất 20.000 m ² đất và tài sản gắn liền trên đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng – Phát triển Nhà Hoàng Anh và 16 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>						
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	250.000.000	250.000.000	-	Hoàn trả trong 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 6 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất thả nổi (2015: 12,00 một năm)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chưprong, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; quyền sử dụng đất 9.000 m ² và tài sản gắn liền trên đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông – bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>						
Hợp đồng tín dụng số LQ 1335703551 ngày 23 tháng 12 năm 2013	57.519.750	-	2.500.000	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng bằng USD của ngân hàng Sacombank + 3,50% một năm, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 9,00)	Quyền sử dụng 8.825 ha đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Ratanakiri với trị giá 7.423.000 USD
TỔNG CỘNG	569.974.355					
<i>Trong đó :</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.173.218</i>					
<i>ACB, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng tín dụng số GILDN02041110 ngày 4 tháng 11 năm 2010	178.581.238	178.581.238	-	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 11 năm 2010)	Lãi suất thả nổi (2015: 10,5 – 11,00)	24 tỷ VND tiền gửi có kỳ hạn tại ACB và 28.405.000 cổ phiếu HNG sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
<i>Trong đó :</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>178.581.238</i>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Các khoản vay bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/ năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ (Thuyết minh số 33)</i>			
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số HTKD/ HAGL – BSTN ngày 28 tháng 8 năm 2015	600.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,77
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00 – 10,35
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 11 năm 2014	300.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 0507/2015/HTKD/HAGL- CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00
Hợp đồng vay số 01/HĐVHAGL-ADM ngày 11 tháng 11 năm 2015	295.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 – Phụ lục số 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16,00
Hợp đồng vay số 01/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 – Phụ lục số 01/2011/HĐV- HAGL_PL4 ngày 28 tháng 12 năm 2014	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.963	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	14,00 – 17,00
Hợp đồng vay số 03/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	14,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 - Phụ lục số 02/2011/HĐV- HAGL_PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014	99.278.400	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,93
Hợp đồng vay số 05-02/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	80.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 04/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	2.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
TỔNG CỘNG	<u>3.443.449.363</u>		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>3.377.388.430</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>66.060.933</i>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Ngân VND</i>						
Năm trước						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014 (được trình bày trước đây)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	125.673.607	608.536.760	6.182.275.227
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	(11.779.379)	(11.779.379)
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	125.673.607	596.757.381	6.170.495.848
Lãi thuần trong năm (trình bày lại – Thuyết minh số 37)	-	-	-	-	735.618.472	735.618.472
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	17.844.866	-	17.844.866
Thủ lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(221.999)	(221.999)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(90.189.142)	(90.189.142)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	143.518.473	1.241.964.712	6.833.548.045
Năm nay						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	143.518.473	1.241.964.712	6.833.548.045
Phân loại lại (Thuyết minh số 38)	-	-	(162.047.860)	-	162.047.860	-
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015 (phân loại lại)	3.990.670.000	1.295.347.000	-	143.518.473	1.404.012.572	6.833.548.045
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	724.591.678	724.591.678
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	798.723.950	999.248.810	-	-	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần (ii)	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	299.629.881	-	299.629.881
Giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát làm giảm vốn công ty mẹ	-	-	-	-	(2.029.495)	(2.029.495)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	-	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 0604/15/ĐHĐCĐ-NNHAGL (“Nghị quyết số 0604”) ngày 6 tháng 4 năm 2015 của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, Công ty đã tiến hành chào bán và phát hành cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và cán bộ công nhân viên của Công ty. Việc chào bán cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Theo Nghị quyết số 0604, Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 49,50%. Việc phát hành cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị Ngàn VND	Số lượng	Giá trị Ngàn VND
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.540.191	21.593.540
Lợi nhuận trong năm	19.416.700	201.761
Mua các công ty con mới	190.723.444	-
Thanh lý công ty con	(3.790.480)	-
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	(1.371.865)	(119.429)
Cổ tức công bố cho cổ đông không kiểm soát	(602.954)	(135.681)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	225.915.036	21.540.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (ngàn VND)	724.591.678	735.618.472
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	662.653.246	596.605.165
Ảnh hưởng suy giảm do quyền mua cổ phiếu	<u>129.896.217</u>	<u>129.896.217</u>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (cổ phiếu)	792.549.463	726.501.382
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.093	1.233
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	914	1.013

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước Ngàn VND
Doanh thu thuần	<u>4.730.680.433</u>	<u>2.212.251.019</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán bỏ	2.541.497.018	-
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	957.503.311	1.042.101.594
Doanh thu từ bán hàng hóa	352.436.994	200.038.951
Doanh thu từ bán bắp	295.939.624	204.513.672
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	283.858.713	482.056.399
Doanh thu từ bán mũ cao su	197.055.040	226.690.873
Doanh thu từ bán căn hộ	56.972.736	35.078.692
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	45.416.997	21.770.838
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	4.227.562.136	2.128.556.619
Doanh thu đối với bên liên quan	503.118.297	83.694.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	45.997.846	-
Lãi từ cho vay các công ty khác	64.891.633	22.307.029
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.665.188	14.785.192
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.325.965	402.670
Khác	-	586.893
TỔNG CỘNG	164.880.632	38.081.784

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của bò đã bán	1.803.513.299	-
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	576.122.070	483.306.461
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	406.580.409	276.333.162
Giá vốn của hàng hóa đã bán	323.091.122	185.720.949
Giá vốn của mù cao su đã bán	175.834.362	109.327.460
Giá vốn của bắp đã bán	109.668.097	76.252.163
Giá vốn căn hộ đã bán	54.180.462	35.124.946
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	44.590.172	18.427.581
TỔNG CỘNG	3.493.579.993	1.184.492.722

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(đã trình bày lại –</i> <i>Thuyết minh số 37)</i>
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	364.676.504	277.854.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.039.447	13.802.948
Các khoản khác	5.744.268	1.479.820
TỔNG CỘNG	383.460.219	293.137.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	72.904.454	15.753.442
Chi phí vận chuyển	53.943.100	6.069.346
Chi phí lương nhân viên	4.281.427	3.708.178
Chi phí khấu hao	1.119.391	866.658
Các chi phí khác	13.560.536	5.109.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.958.460	87.274.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.456.529	28.796.159
Chi phí lương nhân viên	30.125.457	22.547.597
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.475.312	7.331.530
Các chi phí khác	44.901.162	28.599.525
TỔNG CỘNG	193.862.914	103.028.253

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.233.328	81.090.939
Lãi từ thanh lý tài sản	-	80.381.723
Thu nhập khác	2.233.328	709.216
Chi phí khác	(110.612.760)	(3.510.769)
Chi phí thanh lý tài sản ngành khoáng sản	(59.062.258)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(3.521.561)	-
Chi phí thanh lý tài sản khác	(2.732.538)	-
Các khoản phạt	(3.266.826)	(2.318.584)
Chi phí khác	(42.029.577)	(1.192.185)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(108.379.432)	77.580.170

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	715.053.486	747.254.691
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	123.640.211	5.505.439
Thay đổi chi phí phải trả	149.512.019	24.722.108
Các khoản chi phí không được khấu trừ	47.750.201	2.340.754
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	44.450.642	61.792.272
Các khoản lỗ của các công ty con	42.767.708	18.053.088
Phân bổ lợi thế thương mại	6.365.806	16.715.381
Chia lỗ của công ty liên kết	1.225.021	-
Các khoản khác	2.460.784	470.006
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.086.533.478)	(759.243.598)
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(45.960.202)	-
Lợi nhuận thuần điều chỉnh trước thuế và chưa căn trừ lỗ năm trước	732.198	117.610.141
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.748.114)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	732.198	115.862.027
Thuế TNDN hiện hành ước tính	161.084	25.221.932
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) của các năm trước	2.887.579	(2.186.449)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	3.048.663	23.035.483
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	699.945	2.309.178
Thanh lý công ty con	3.764.232	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.794.852)	(24.644.716)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	717.988	699.945
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	2.229.860	4.464.177
Thuế TNDN trả trước (i)	(1.511.872)	(3.764.232)

(i) Thuế TNDN trả trước đã được bao gồm trong khoản mục "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" với số tiền là 2.231.238 ngàn VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả	
	hợp nhất		hoạt động kinh doanh	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm nay	Năm trước
				Ngàn VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	32.558.351	25.282.838	7.275.513	13.594.300
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.728.042	-	24.728.042	-
Lỗi tính thuế của các công ty con	-	-	-	(1.993.275)
	<u>57.286.393</u>	<u>25.282.838</u>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	(235.354.240)	-	-	-
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>(178.067.847)</u>	<u>25.282.838</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>32.003.555</u>	<u>11.601.025</u>

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	3.056.390.738	541.877.604
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	889.411.032	288.371.389
		Mua các khoản đầu tư	485.731.688	38.086.144
		Chi phí lãi vay	135.653.129	85.113.653
		Bán hàng hóa	134.831.238	83.694.400
		Mua tài sản	94.824.025	48.671.743
		Trả cổ tức	83.091.160	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và bò	1.031.200.105	-
		Bán hàng hóa	360.660.622	-
		Mua tài sản cố định	306.271.359	-
		Thu nhập lãi vay	23.349.092	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	251.301.873	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	14.272.963	4.347.645
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.870.645	3.322.776
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	19.661	562.626
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	72.339	109.404
			269.537.481	8.342.451
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	938.403.361	485.527.578
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	467.936.006	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai – Bangkok	Bên liên quan	Tạm ứng mua hạt giống	11.398.000	10.742.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	10.068.983	-
			1.427.806.350	496.269.578
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</i>				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay (i)	123.358.579	-
Ông Phan Thanh Thủ	Bên liên quan	Cho vay	30.434.400	-
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	Cho vay	16.157.837	-
Công ty TNHH V&H (Lào)	Bên liên quan	Cho vay	3.905.051	2.984.749
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho vay	-	109.285.839
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Bên liên quan	Cho vay	-	11.165.951
			173.855.867	123.436.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	45.321.667	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi vay	29.765.040	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Chi trả hộ	7.779.191	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi trả hộ	6.710.392	4.662.950
Khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	35.273	-
			89.611.563	4.662.950
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay (ii)	608.275.000	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Cho vay (iii)	294.936.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay (iv)	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay (i)	62.142.038	-
			1.245.353.038	280.000.000
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi vay	23.349.092	-

(i) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên theo các hợp đồng vay dài hạn với tổng dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 185.500.617 ngàn VND hưởng lãi suất từ 6,6% tới 10,5% một năm. Trong đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản cho vay dài hạn đến hạn trả là 123.358.579 ngàn VND.

(ii) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai theo hợp đồng vay số 09/15-HĐV ngày 20 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 608.275.000 ngàn VND và lãi suất là 10,5% một năm.

(iii) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Ông Huỳnh Hữu Vũ, nhân viên của Nhóm Công ty, theo hợp đồng vay tín chấp số 11-11/HĐV/ADM-HHV ngày 11 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 295.000.000 ngàn VND và lãi suất là 10% một năm.

(iv) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú theo hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK – Xuất nhập khẩu HAGL ngày 8 tháng 8 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 300.000.000 ngàn VND và lãi suất là 12% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	259.900.187	48.671.743
		Mua vật tư	149.236.381	28.542.141
		Thi công xây dựng	22.180.171	22.442.100
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Thi công xây dựng	9.660.688	1.271.684
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	6.945.437	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.677.446	3.471.349
		Mua tài sản	-	3.493.692
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	254.786	30.109
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	348.799	4.039.272
			451.203.895	111.962.090
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	101.375.786	-
Công ty TNHH Hoàng Thơ	Bên liên quan	Mua hàng hóa	716.520	-
			102.092.306	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và chi phí lãi vay	1.364.104.229	1.424.950.604
		Thu hộ	1.993.113	125.853.486
		Cổ tức phải trả	-	83.091.160
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Bên liên quan	Mượn tiền	405.141.333	-
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Mượn tiền	3.196.958	2.714.596
Công ty TNHH Khoáng Sản Hoàng Anh Sekong	Bên liên quan	Mượn tiền	1.478.796	-
Khác	Bên liên quan	Thu hộ	555.587	206.152
			1.776.470.016	1.636.815.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	659.411.049	-
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	3.443.449.358	1.872.149.353

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Nhóm Công ty như sau:

	Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	16.700.568	16.718.069

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 173.855.867 ngàn VND và 1.245.353.038 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

Ban Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay các bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	34.610.371	42.031.436
Từ 1 đến 5 năm	175.511.188	168.125.746
Trên 5 năm	2.498.738.536	2.041.849.572
TỔNG CỘNG	2.708.860.095	2.252.006.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	8.033.654	1.301.627
- Kíp Lào (LAK)	18.497.052.361	825.867.640
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	123.448.266	100.364.068

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm công ty.

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- ▶ Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: mua bán và vận chuyển hàng hóa;
- ▶ Xây dựng: các dự án sân bay tại Lào; và
- ▶ Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	1.473.306.139	-	221.809.789	482.056.399	35.078.692	-	2.212.251.019
Giữa các bộ phận	61.367.367	-	470.076.605	-	-	(531.443.972)	-
Tổng cộng	1.534.673.506	-	691.886.394	482.056.399	35.078.692	(531.443.972)	2.212.251.019
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>							
Kết quả của bộ phận	804.420.055	-	17.661.259	205.723.237	(46.254)	-	1.027.758.297
Chi phí không phân bổ							(25.448.083)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính							1.002.310.214
Doanh thu từ hoạt động tài chính							38.081.784
Chi phí tài chính							(293.137.307)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							747.254.691
Thuế TNDN hiện hành							(23.035.483)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại							11.601.025
Lợi nhuận thuần trong năm							735.820.233
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	12.639.298.452	251.835.195	668.564.706	1.433.997.010	1.178.386.880	-	16.172.082.243
Tiền							46.804.781
Đầu tư vào công ty liên kết							248.460.551
Tài sản không phân bổ							656.924.381
Tổng tài sản							17.124.271.956
Nợ phải trả của bộ phận	(4.343.982.411)	(153.480.369)	(5.763.539.593)	-	-	-	(10.261.002.373)
Nợ phải trả không phân bổ							(8.181.347)
Tổng nợ phải trả							(10.269.183.720)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	1.448.703.768	2.541.497.017	397.853.991	283.858.713	58.766.944	-	4.730.680.433
Giữa các bộ phận	355.587.553	465.646.010	402.620.680	-	-	(1.223.854.243)	-
Tổng cộng	1.804.291.321	3.007.143.027	800.474.671	283.858.713	58.766.944	(1.223.854.243)	4.730.680.433
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>							
Kết quả của bộ phận	587.079.239	737.983.718	30.172.697	(122.721.696)	4.586.482	-	1.237.100.440
Chi phí không phân bổ							(302.242.346)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính							934.858.094
Doanh thu từ hoạt động tài chính							164.880.632
Chi phí tài chính							(383.460.219)
Chia lỗ trong công ty liên kết							(1.225.021)
Lợi nhuận trước thuế							715.053.486
Thuế TNDN hiện hành							(3.048.663)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại							32.003.555
Lợi nhuận thuần trong năm							744.008.378
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	19.744.299.165	2.982.789.885	931.471.487	1.058.207.255	775.446.934	-	25.492.214.726
Tiền							331.961.020
Đầu tư vào công ty liên kết							271.950.970
Tài sản không phân bổ							1.005.465.419
Tổng tài sản							27.101.592.135
Nợ phải trả của bộ phận	(8.249.487.875)	(2.178.198.133)	(5.926.449.891)	(132.695.648)	(500.386.808)	-	(16.987.218.355)
Nợ phải trả không phân bổ							(234.745.875)
Tổng nợ phải trả							(17.221.964.230)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	211.758.485	1.900.012.812	70.863.312	29.616.410	2.212.251.019
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>					
Tài sản cố định hữu hình	133.633.647	834.896.791	755.647.556	-	1.724.177.994
Tài sản cố định vô hình	47.863.975	-	-	-	47.863.975
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	2.317.286.589	10.277.340.922	3.577.454.732	-	16.172.082.243
Tiền					46.804.781
Đầu tư vào công ty liên kết					248.460.551
Tài sản không phân bổ					656.924.381
Tổng tài sản					17.124.271.956
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.109.732.826	2.316.020.039	304.927.568	-	4.730.680.433
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>					
Tài sản cố định hữu hình	715.848.330	2.483.005.561	589.213.313	-	3.788.067.204
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	3.944.178.249	14.141.251.807	7.406.784.670	-	25.492.214.726
Tiền của Nhóm Công ty					331.961.020
Đầu tư vào công ty liên kết					271.950.970
Tài sản không phân bổ					1.005.465.419
Tổng tài sản					27.101.592.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

37. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Nhóm Công ty đã thiếu sót trong việc ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh liên quan đến khoản lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu tổng giá trị 2.000 tỷ VND (Thuyết minh số 23.1) với số tiền là 200.000.000 ngàn VND. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh khoản lãi bổ sung vào báo cáo tài chính hợp nhất các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản trái phiếu này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Nhóm Công ty, do đó phần lớn chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	608.536.760
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	<u>(11.779.379)</u>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	<u>596.757.381</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	1.276.813.665
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	<u>(34.848.953)</u>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	<u>1.241.964.712</u>

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	31 tháng 12 năm 2014 (sau điều chỉnh)
<i>Ngàn VND</i>			
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.266.089.389	164.964.543	6.431.053.932
Chi phí phải trả dài hạn	-	200.000.000	200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.276.813.665	(34.848.953)	1.241.964.712
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.726.695	(186.504)	21.540.191

	Năm trước (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	Năm trước (sau điều chỉnh)
<i>Ngàn VND</i>			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm trước (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	Năm trước (sau điều chỉnh)
Chi phí tài chính	(269.882.407)	(23.254.900)	(293.137.307)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(254.599.639)	(23.254.900)	(277.854.539)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	692.929.421	(23.254.900)	669.674.521
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	770.509.591	(23.254.900)	747.254.691
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	759.075.133	(23.254.900)	735.820.233
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	758.688.046	(23.069.574)	735.618.472
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	387.087	(185.326)	201.761
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.901	(668)	1.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

37. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

	<i>Năm trước (trước điều chỉnh)</i>	<i>Điều chỉnh lại</i>	<i>Ngân VND Năm trước (sau điều chỉnh)</i>
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	770.509.591	(23.254.900)	747.254.691
Chi phí lãi vay	254.599.639	23.254.900	277.854.539

38. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Ngân VND Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	228.989.648	228.989.648
Phải thu ngắn hạn khác	626.979.445	(450.725.825)	176.253.620
Tài sản ngắn hạn khác	107.790.141	(107.790.141)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	280.000.000	296.215.557	576.215.557
Phải thu dài hạn khác	-	39.699.791	39.699.791
Chi phí trả trước dài hạn	904.603.228	(11.310.276)	893.292.952
Tài sản dài hạn khác	6.389.030	(6.389.030)	-
Vay ngắn hạn	3.739.373.145	(11.310.276)	3.728.062.869
Phụ trội hợp nhất công ty con	162.047.860	(162.047.860)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.241.964.712	162.047.860	1.404.012.572

	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Ngân VND Năm trước (được phân loại lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Thu nhập khác	349.608.488	(268.517.549)	81.090.939
Chi phí khác	(272.028.318)	268.517.549	(3.510.769)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 10 năm 2015, các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và số 3012/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND và thặng dư vốn cổ phần tăng từ 2.550.810 ngàn VND lên 1.064.550.810 ngàn VND. Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Công ty đã nhận được Giấy GCNĐKKD số 5900712753 sửa đổi lần thứ 14 liên quan đến việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Cũng vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư An Thịnh theo các hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 và số 02/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 với giá trị nhận chuyển nhượng lần lượt là 770 tỷ VND và 680 tỷ VND. Theo đó, Cao su Đông Dương đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("HADL"), công ty con của Công ty, đã nhận được Thư Thông Báo số 11/2016 ngày 9 tháng 3 năm 2016 từ ACB – Chi nhánh Gia Lai, về việc thu hồi nợ cũng như xác nhận số dư với HADL. Như được đề cập trong thư, ACB đã bán giải chấp 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai trong tổng số 28.405.000 cổ phiếu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND (Thuyết minh số 23.4). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 4 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 7.400 VND/cổ phiếu đến 8.300 VND/cổ phiếu. Số lượng 8.382.500 cổ phiếu thế chấp còn lại cũng đã được ACB giải chấp vào ngày 8 tháng 3 năm 2016. Theo đó, HADL đã không còn số dư nợ vay với ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, và số dư nợ vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND đã được trình bày như khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán một số khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn. Ngoài ra, Nhóm Công ty đang vi phạm một số điều khoản ràng buộc của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Nhóm Công ty. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Nhóm Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.


 Hồ Thị Tuyết Loan
 Người lập


 Đỗ Văn Hải
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Thắng
 Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016